

Bản án số: 16/2021/HS-ST
Ngày: 25-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thảo;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 264/2020/TLST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Phan Trọng T, sinh ngày 1988 tại An Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp Nhơn Lộc, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 0/12; giới tính: nam; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1955; Vợ tên Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1988; con tên Phan Thị Tú A, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09-7-2020 đến nay. Có mặt.

Bị hại:

1. Đỗ Văn Minh L, sinh năm 2006; Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp cho bị hại Đỗ Văn Minh L: Ông Đỗ Minh C, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 1, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (là cha ruột của bị hại).

2. Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 2005 (Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0942/ĐT/2020 ngày 19-10-2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế

Đồng Nai đã kết luận Lê Thị Kim Y là 16 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định ngày 16-10-2020); Nơi cư trú: ấp Phú Yên, xã P, huyện T, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp cho bị hại Lê Thị Kim Y: Ông Lê Văn C, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp Phú Yên, xã P, huyện T, tỉnh An Giang (là cha ruột của bị hại).

3. Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tiệm vàng – Cẩm đồ H; Địa chỉ: Số 02, tổ 1, khu phố Ông Đông, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trường D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 02, tổ 1, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Phan Bá C, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Nhơn Lộc, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Danh Thị Ngọc A, sinh năm 2004;

- Bà Huỳnh Nguyễn Y N, sinh năm 2002.

- Bà Lê Hồng C, sinh năm 1965.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 09-7-2020, T điều khiển xe mô tô biển số 67H1 – 9189 từ nhà trọ của T đến khu vực Khu Công Nghiệp Nam T thuộc thị xã T, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản sơ hở của người khác chiếm đoạt. Sau khi điều khiển xe đi trên đường nhưng không thấy tài sản để chiếm đoạt nên T đi vào bên trong khu nhà trọ Năm Thiết thuộc khu phố Ông Đông, phường T, thị xã T, Bình Dương thì gặp bà Lâm Hồng Cẩm đang giữ cháu ngoại ở phòng trọ số 37. T đến chào hỏi bà Cẩm và nói với bà Cẩm: Trước đây T có làm chung công ty với con gái bà Cẩm. Sau đó, T tiếp cận và ngồi nói chuyện với bà Cẩm, trong lúc nói chuyện T giả vờ nói để quên sim điện thoại trong phòng trọ nơi bà Cẩm đang ở, để vào bên trong lục lọi tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt. Sau đó, T vào bên trong phòng trọ tìm kiếm nhưng không thấy tài sản gì nhưng phát hiện thấy có 04 hóa đơn thế chấp dây chuyền vàng và mặt dây chuyền vàng của con gái bà C là Lâm Thu A thế chấp tại tiệm vàng H do ông Nguyễn Trường D làm chủ. Do không biết chữ, nên khi nhìn vào hợp đồng thế chấp thấy có hình viên đá quý T biết đó là hóa đơn cầm đồ tại tiệm vàng (hợp đồng thế chấp) nên T đã lén lút lấy 04 hợp đồng thế chấp trên bỏ vào túi quần rồi đi ra khỏi nhà trọ, T đi được khoảng 500 mét thì T dừng lại hỏi một người đàn ông bên đường (không rõ lai lịch) để biết tiệm vàng bên trong hợp đồng thế chấp ở đâu. Sau đó, T được người đàn ông này

chỉ đến tiệm vàng H tại khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã T, Bình Dương. Khi T đến tiệm vàng H thì gặp bà Huỳnh Nguyễn Bé N là nhân viên của tiệm vàng H. Lúc này, T lấy ra một hợp đồng thế chấp đưa cho Nhi và nói “Chị ơi, cho em bán lại cái này, còn dư bao nhiêu tiền?”. Nhi lầm tưởng T là chủ sở hữu của các hợp đồng thế chấp nêu trên nên Nhi cầm lấy hợp đồng thế chấp và lấy ra hai vòng vàng để kiểm tra và tính tiền. Sau khi tính tiền xong, Nhi nói cho T biết còn dư lại số tiền 550.000 đồng và đưa số tiền trên cho T. T nhận thấy, trong khi mua bán, Nhi không quan tâm đến việc T có phải là chủ sở hữu của 04 hợp đồng thế chấp đó hay không nên T đã tiếp tục lấy ra 03 hợp đồng thế chấp còn lại đưa cho Nhi và yêu cầu bán 03 hợp đồng thế chấp đó. Sau khi kiểm tra và tính tiền 03 hợp đồng thế chấp mà T đã đưa thì Nhi báo cho T biết số tiền còn dư lại sau khi bán là 4.170.000 đồng. T đồng ý bán và khi Nhi chuẩn bị đưa số tiền 4.170.000 đồng cho T thì bị lực lượng Công an Đoàn khu công nghiệp vào bắt quả tang. Qua làm việc tại Đoàn Công an khu công nghiệp Nam T, T đã khai nhận hành vi chiếm đoạt 04 hợp đồng thế chấp tài sản, sau đó mang đến tiệm vàng H để bán, chiếm đoạt tiền.

Quá trình điều tra xác minh ban đầu, T còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 09-6-2020, T điều khiển xe mô tô biển số 67H1 – 9189 từ nhà trọ đến khu vực cây xăng Huỳnh Gia thuộc khu phố Ông Đông, phường T, thị xã T, Bình Dương. T nhìn thấy Lê Thị Kim Y và Danh Thị Ngọc A đang đi xin việc làm nên T đã nảy sinh ý định tiếp cận và lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt tài sản. Khi đến gần, T hỏi Y và Ngọc Anh “hai em đi xin việc làm phải không?” thì cả hai trả lời “đúng rồi anh”. Sau đó, T nói với cả hai là có thể xin việc làm mà không cần phỏng vấn rồi yêu cầu cả hai đi theo T, thì Y và Ngọc Anh đồng ý đạp xe đi theo T. Khi đi được một đoạn, T nói với Y lên xe đi cùng với T nhưng Y không đồng ý. Sau đó, T giới thiệu có quen biết với cha của Y nên Y đã đồng ý lên ngồi phía sau xe mô tô của T, còn Ngọc Anh điều khiển xe đạp đi một mình phía sau. Khi đi được khoảng 02 km đến đoạn đường D4 bên trong Khu công nghiệp Nam T thuộc phường Khánh Bình, thị xã T, Bình Dương, T lợi dụng đoạn đường vắng vẻ, ít người qua lại thì T dừng xe lại và yêu cầu Y đưa điện thoại để gọi cho ba của Y, nhưng Y không đồng ý và nói điện thoại đã hết tiền. Lúc này, T quay qua mượn điện thoại của Ngọc Anh và nói sẽ gọi cho ba của Y nên Ngọc Anh đồng ý và đưa điện thoại cho T mượn. Sau đó, T có gọi điện thoại cho ai nhưng cả hai không rõ. Nói chuyện điện thoại xong, T trả lại điện thoại cho Ngọc Anh và quay lại nói với Y “Chú vừa điện thoại cho ba của con, ba của con nói đưa điện thoại cho chú đi nạp tiền để gọi lại cho ba của con” nhưng Y không đồng ý. Lúc này, T liền dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ mà Y đang cầm trên tay rồi nhanh chóng lên xe mô tô tẩu thoát. Sau đó, Y và Ngọc Anh đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của Y, T điều khiển xe đi về phòng trọ và cất giấu. Khoảng hai ngày sau, T mang chiếc điện thoại bán cho một người dân đi

đường (không rõ nhân thân) với giá 1.100.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 24-6-2020, T điều khiển xe mô tô biển số 67H1 – 9189 từ phòng trọ đến khu vực Khu Công Nghiệp Nam T, T nhìn thấy cháu Đỗ Văn Minh L đang đi bộ xin việc làm nên T đã tiếp cận và hỏi “mày đang đi xin việc làm hả?”. L trả lời “đúng rồi chú”. Lúc này, T nói L là có thể đưa L đi xin việc và yêu cầu L lên xe của T ngồi. Nghe nói vậy, L đồng ý và lên xe của T ngồi. Trên đường đi, T nói với L “con đưa điện thoại đây cậu gọi xin việc cho”, L đồng ý và đưa điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 cho T. Sau đó, T cầm lấy điện thoại mà không gọi điện thoại cho ai rồi bỏ vào túi quần cất giữ. Sau khi đưa điện thoại cho T, nhưng không thấy T gọi điện thoại cho ai nên L đã yêu cầu T đưa lại điện thoại hai lần nhưng T vẫn không trả lại điện thoại cho L. Thấy L có đeo tài sản là nhẫn vàng và dây chuyền vàng trên người nên T đã nảy sinh ý định tiếp tục chiếm đoạt tài sản của L. Thực hiện ý định trên, T chở L đi đến đoạn đường D4 bên trong Khu công nghiệp Nam T thuộc phường Khánh Bình, thị xã T, Bình Dương lợi dụng đường vắng, ít người qua lại, T dừng xe lại và lấy điện thoại của L ra rồi giả vờ gọi điện. Sau đó, T nói với L “cậu gọi cho ba con rồi, ba con chịu rồi, ba con đồng ý cho cậu mượn dây chuyền với nhẫn của con đi sinh nhật”. Nghe vậy, L không đồng ý nên đã nói “không biết tháo”, T nói “để cậu tháo cho” nói xong T dùng hai tay cầm tay cháu L và tháo chiếc nhẫn vàng 18K mà L đang đeo ở ngón tay áp út bên phải và cất vào túi quần. Sau khi tháo nhẫn xong, T tiếp tục yêu cầu L đưa dây chuyền vàng đang đeo trên cổ thì L cũng không đồng ý và nói “không biết tháo”. Lúc này, T tiếp tục dùng hai tay cầm và tháo lấy sợi dây chuyền mà L đang đeo trên cổ rồi lấy bỏ vào túi quần. Do đường vắng người và sợ hãi nếu không cho T tháo nhẫn và dây chuyền vàng sẽ bị đánh nên khi T thực hiện hành vi tháo nhẫn ở ngón tay và dây chuyền vàng ở cổ của mình thì L không dám phản ứng gì. Sau đó, T kêu L lên xe và chở đi khoảng 50 mét thì yêu cầu L xuống xe và đứng ở bên đường còn T điều khiển xe đi về phòng trọ rồi mang nhẫn, dây chuyền vàng đã chiếm đoạt được của L bán cho một tiệm vàng mà T không nhớ rõ tên và địa chỉ cụ thể lấy số tiền 7.500.000 đồng; còn điện thoại T bán cho một người đi đường (không rõ nhân thân) lấy số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền trên, T đã tiêu xài hết.

Đồn Công an Khu công nghiệp thị xã T, tỉnh Bình Dương xác lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã T để thụ lý, điều tra theo đúng thẩm quyền.

Tang vật, tư vật tạm giữ gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Phan Trọng T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, màu xanh, số IMEI: 355522052448648 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh, số IMEI 1: 862435048924216, số IMEI 2: 862435048924208 (đã qua sử dụng); 01 áo sơ mi tay ngắn, màu trắng xanh; 01 quần kaki ngắn, màu nâu, nhãn hiệu All Star; 01 quần Jean ngắn, màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu xanh, sọc trắng; 01 xe mô tô biển số 67H1 – 9189, số máy 00630698, số

khung 11020004598; 01 hợp đồng thế chấp số 010681 của CN. Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H; 01 hợp đồng thế chấp số 005952 của CN. Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H; 01 hợp đồng thế chấp số 003963 của CN. Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H; 01 hợp đồng thế chấp số 008915 của CN. Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H và số tiền 550.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 311/KLTS-TTHS ngày 16-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã T kết luận như sau:

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 09-6-2020) có giá trị là 2.400.000 đồng.

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 24-6-2020) có giá trị là 2.950.000 đồng.

- Chiếc nhẫn vàng loại 18K trọng lượng 1,291 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 24-6-2020) có giá trị là 4.002.100 đồng.

- Dây chuyền vàng loại 18K trọng lượng 1,7852 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 24-6-2020) có giá trị là 5.534.120 đồng.

- Mặt dây chuyền vàng loại 18K trọng lượng 0,708 tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 24-6-2020) có giá trị là 2.194.800 đồng.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 0942/ĐT/2020 ngày 19-10-2020 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Đồng Nai kết luận như sau: Độ tuổi của Lê Thị Kim Y là 16 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 16-10-2020.

Đối với hợp đồng thế chấp số 010681 của Chi nhánh Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H; hợp đồng thế chấp số 005952 của CN. Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H; hợp đồng thế chấp số 003963 của CN. Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H; hợp đồng thế chấp số 008915 của Chi nhánh Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H qua quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của bà Anh và ông Trần Thành V (sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Ngãi Hội I, xã Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là chồng bà Anh) nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã T, Bình Dương đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Trần Thành Vinh.

Đối với 01 xe mô tô biển số 67H1 – 9189, số máy 00630698, số khung 20004598 do ông Trần Công B (sinh năm 1960, HKTT: Ấp Tân Hòa B, xã Tân A, thị xã T, tỉnh An Giang) đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2005, ông Bình đã bán lại cho một người khác (không nhớ rõ họ, tên và nhân thân lai lịch), khi mua bán không làm giấy tờ cũng không làm thủ tục sang tên. Ông Bình không có yêu cầu gì. Xe mô tô biển số 67H1 – 9189, T của một người khác (không nhớ rõ họ, tên và nhân thân lai lịch), khi mua bán không làm giấy tờ gì.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đỗ Văn Minh L yêu cầu bị cáo Phan Trọng T bồi thường số tiền 19.000.000 đồng; Bà Lê Thị Kim Y yêu cầu bị cáo Phan

Trọng T bồi thường số tiền 4.000.000 đồng; Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tiệm vàng – Cẩm đồ H yêu cầu bị cáo Phan Trọng T bồi thường số tiền 550.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 257/CT-VKS.TU ngày 26 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Phan Trọng T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, “Cướp giật tài sản” và “Lừa đoạt chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170, điểm g khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 170; điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Trọng T từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (06) tháng tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Trọng T từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Trọng T 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Về biện pháp tư pháp – Xử lý vật chứng:

- Hoàn trả 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Trọng T; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh, số Imei: 3534454/04/950491/5; 01 điện thoại di động Oppo F9 màu xanh số Imei 1: 8624350489242216 cho bị cáo Phan Trọng T.

- Hoàn trả số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) cho Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tiệm vàng – Cẩm đồ H.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô Wave biển số 67H1-9189 màu xanh, số khung 11020004598, số máy 006930698.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 áo sơ mi tay ngắn, màu trắng xanh; 01 quần kaki ngắn màu nâu, nhãn hiệu All Star; 01 nón bảo hiểm màu xanh sọc trắng; 01 quần Jeans ngắn, màu xanh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Phan Trọng T nói lời sau cùng: Tại phiên tòa, bị cáo nhận thấy được hành vi đã thực hiện là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Người đại diện hợp pháp của các bị hại Đỗ Văn Minh L và Lê Thị Kim Y, người đại diện hợp pháp của Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tiệm vàng – Cẩm đồ H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Mai Văn Dương và ông Phan Bá Cẩn; người làm chứng bà Danh Thị Ngọc Anh, bà Huỳnh Thị Bé N, bà Lâm Hồng C vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng nêu trên.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Trọng T khai nhận:

- Ngày 09-6-2020, tại đoạn đường D4 bên trong Khu công nghiệp Nam T thuộc phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phan Trọng T đã thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ của bị hại Lê Thị Kim Y rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 311/KLTS-TTHS ngày 16-10-2020 của Hội đồng định giá điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ có giá 2.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung là “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi,...” do bị hại Lê Thị Kim Y, sinh năm 2005 (Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0942/ĐT/2020 ngày 19-10-2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Đồng Nai đã kết luận Lê Thị Kim Y là 16 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định ngày 16-10-2020) theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

- Ngày 24-6-2020, Phan Trọng T điều khiển xe mô tô chở bị hại Đỗ Văn Minh L đến đoạn đường D4 vắng vẻ, ít người qua lại bên trong Khu công nghiệp Nam T thuộc phường Khánh Bình, thị xã T, Bình Dương sau đó dùng lời nói và thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7; 01 chiếc nhẫn vàng loại 18K trọng lượng 1,291 chỉ; 01 dây chuyền vàng loại 18K trọng lượng 1,7852 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng loại 18K trọng lượng 0,708 tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 311/KLTS-TTHS ngày 16-10-2020 của Hội đồng định giá có tổng trị giá là 14.681.020 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi,...” do

bị hại Đỗ Văn Minh L, sinh năm 2006 chưa đủ 16 tuổi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

- Ngày 09-7-2020, sau khi chiếm đoạt được 04 hợp đồng thế chấp tài sản tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H thuộc khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương của anh Trần Thành Vinh và bà Lâm Thu Anh. Phan Trọng T đã mang 04 hợp đồng thế chấp nêu trên đến tiệm vàng H để bán lại và chiếm đoạt số tiền 4.720.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là chiếm đoạt số tiền 4.720.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thị xã T diễn biến phức tạp, do ý thức chấp hành pháp luật kém, gây ảnh hưởng về tài sản của công dân. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm để tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

- Về tình tiết tăng nặng: không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Thị Kim Y và bị hại Đỗ Văn Minh L nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi của bị cáo chưa gây thiệt hại cho bị hại nên nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo về tội Cường đoạt tài sản và tội Cướp giật tài sản tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo so với mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Phan Bá C là anh trai ruột bị cáo, đã thay bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại và không yêu cầu bị cáo thanh toán lại số tiền 17.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của ông C nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với số tiền 550.000 đồng, ông Nguyễn Trường D là người đại diện hợp pháp của Chi nhánh Công ty TNHH MTV vàng bạc – cầm đồ H yêu cầu được nhận lại và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Đây là sự tự nguyện của bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 áo sơ mi tay ngắn, màu trắng xanh; 01 quần kaki ngắn màu nâu, nhãn hiệu All Star; 01 nón bảo hiểm màu xanh sọc trắng; 01 quần Jeans ngắn không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với màu xanh 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Trọng T; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh, số Imei: 3534454/04/950491/5; 01 điện thoại di động Oppo F9 màu xanh số Imei 1: 8624350489242216 là tài sản cá nhân của bị cáo nên hoàn trả cho bị cáo là đúng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với số tiền 550.000 đồng là vật chứng trong vụ án. Tuy nhiên, người đại diện Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tiệm vàng – Cầm đồ H ông Nguyễn Trường D xin nhận lại số tiền 550.000 đồng. Xét thấy, số tiền 550.000 đồng là do bị cáo T chiếm đoạt của Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tiệm vàng – Cầm đồ H nên hoàn trả lại cho bị hại Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tiệm vàng – Cầm đồ H là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với xe mô tô Wave biển số 67H1-9189 màu xanh, số khung 11020004598, số máy 006930698 là phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Trọng T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, “Cướp giật tài sản” và “Lừa đoạt chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Trọng T 03 (Ba) năm tù.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Trọng T 03 (Ba) năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Trọng T 09 (Chín) tháng tù.

- Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Phan Trọng T là 06 (Sáu) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 7s năm 2020.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Trọng T bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về biện pháp tư pháp – xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 áo sơ mi tay ngắn, màu trắng xanh; 01 quần kaki ngắn màu nâu, nhãn hiệu All Star; 01 nón bảo hiểm màu xanh sọc trắng; 01 quần Jeans ngắn, màu xanh.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô Wave biển số 67H1-9189 màu xanh, số khung 11020004598, số máy 006930698.

- Hoàn trả 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Trọng T; 01 điện thoại di động Nokia1280 màu xanh, số Imei: 3534454/04/950491/5; 01 điện thoại di động Oppo F9 màu xanh số Imei 1: 8624350489242216 cho bị cáo Phan Trọng T.

- Hoàn trả số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) cho Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tiệm vàng – Cẩm đồ H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã T).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND thị xã T; (1)
- Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng; (5)
- Lưu: VT, HS. (2)

Nguyễn Thanh Sơn